

Số: **40** /TTKT

V/v biên soạn, nộp đề và duyệt đề thi KTMH
học kỳ 1, đợt 2, năm học 2025-2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Trưởng các khoa

Căn cứ kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2025-2026, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng triển khai kế hoạch biên soạn, nộp đề và duyệt đề thi kết thúc môn học học kỳ 1, đợt 2, năm học 2025-2026 đến các Khoa như sau:

1. Đối với các môn học đã có Ngân hàng câu hỏi thi:

- Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng sẽ trích xuất đề thi từ ngân hàng câu hỏi thi đối với các môn học theo danh sách đính kèm bên dưới.

- Các Khoa phân công Giảng viên kiểm tra và ký duyệt đề thi trích xuất từ ngân hàng câu hỏi thi **từ ngày 22/12/2025 đến ngày 30/12/2025** tại phòng A104 (gặp cán bộ phụ trách).

2. Đối với các môn học còn lại (các môn không có trong bảng danh sách các môn học trích xuất đề thi từ NHCHT):

- Các Khoa tổ chức biên soạn, phản biện và nộp đề thi (file + bản giấy có chữ ký) về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tại phòng A104 – gặp Cô Hiền theo kế hoạch cụ thể sau:

STT	Khoa	Thời gian
1	Khoa Cơ khí	25/12/2025
2	Khoa Du lịch	25/12/2025
3	Khoa Công nghệ thông tin	25/12/2025
4	Khoa Kinh tế-Tài chính	25/12/2025
5	Khoa Giáo dục đại cương	25/12/2025
6	Khoa Điện – Điện tử	26/12/2025
7	Khoa Quản trị kinh doanh	26/12/2025
8	Khoa Ngoại ngữ	26/12/2025
9	Khoa Công nghệ Thời trang	26/12/2025

- Để tính khối lượng ra đề thi các khoa nhập thông tin Giảng viên biên soạn, phản biện, duyệt đề trước ngày **26/12/2025** tại đường link:

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1ao9ZKpp81vXkuN0HZMK6c5MbpozRc6A/edit?gid=272904180#gid=272904180>

3. Đối với các môn học tổ chức thi thực hành, tiểu luận, bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Các khoa gửi lịch thi (*file + bản giấy có chữ ký*) và đề thi (*file + bản giấy có chữ ký*) về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tại phòng A104- gặp Cô Hiền trước ngày thi 20 ngày.

4. Mẫu đề thi, đáp án và phản biện đề thi:

Các biểu mẫu khảo thí bao gồm:

- + Mẫu đề thi;
- + Mẫu phiếu trả lời trắc nghiệm;
- + Mẫu phiếu Phản biện đề thi;
- + Mẫu phiếu phách đính kèm Phiếu làm bài kỳ thi kết thúc môn học.
- Được khai thác tại: <http://khaothi.hitu.edu.vn/bieu-mau-khao-thi/>

5. Lưu ý:

- Đối với các môn có hình thức thi trắc nghiệm + tự luận phải chuyển đổi qua hình thức thi trắc nghiệm (Ngoại trừ các môn thi của khoa Ngoại ngữ)

- Các môn học có hình thức thi tự luận: Biên soạn 02 đề thi/01 môn thi (đề thi + đáp án + phản biện đề thi)

- Các môn học có hình thức thi trắc nghiệm: Biên soạn 02 đề thi/ 01 môn thi (tối thiểu 04 phiên bản/ 01 đề thi kèm đáp án + phản biện đề thi)

- Các môn học đánh giá kết quả bằng hình thức thi Bài tập lớn, tiểu luận, thực hành: Biên soạn 02 đề thi/ 01 môn thi (đề thi+ đáp án+ phản biện đề thi)

- Thời gian làm bài thi:

+ *Các môn* $\leq 2TC$ biên soạn đề thi thời gian thi 60-90 phút/ đề thi.

+ *Các môn* $\geq 3TC$ biên soạn đề thi thời gian thi 90 - 150 phút/ đề thi.

Kính đề nghị Trường các khoa triển khai nội dung công văn này đến giảng viên trong khoa để thực hiện công việc theo đúng tiến độ nêu trên. (Nếu có sự thay đổi, điều chỉnh thì các Khoa phản hồi lại cho Trung tâm KT&ĐBCL trong 5 ngày kể từ ngày gửi công văn trên).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Trường các khoa;
- Lưu: TTKT.

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Nhựt

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ ĐBCL

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC TRÍCH XUẤT ĐỀ THI
TỪ NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI**

(kèm theo Công văn số 40/TTKT ngày 24 /11/2025 của
Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng)

STT	MÃ MH	TÊN MÔN HỌC	KHOA	CB PHỤ TRÁCH
1	223008	Giáo dục Chính trị	GDĐC	T.TUẤN ANH
2	222033	Toán ứng dụng A	GDĐC	T.TUẤN ANH
3	226118	Văn hóa ẩm thực	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
4	226126	Dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
5	226144	Tiếng anh chuyên ngành khách sạn	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
6	226187	Tâm lý du khách	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
7	226175	Tiếng anh chuyên ngành nhà hàng	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
8	226257	Quản trị nhà hàng	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
9	226151	Quản trị lễ tân	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
10	230337	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
11	230342	Công nghệ sau thu hoạch và bảo quản thực phẩm	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
12	230132	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
13	230185	Đánh giá cảm quan thực phẩm	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
14	230359	Công nghệ sản xuất dầu thực vật	DU LỊCH	T.TUẤN ANH
15	224357	Độc thương mại	NN	T.MINH
16	224354	Nghe thương mại	NN	T.MINH
17	224319	Viết 2	NN	T.MINH

18	224608	Tiếng anh chuyên ngành (Tin)	NN	T.MINH
19	229005	Kiến trúc máy tính	CNTT	T.MINH
20	229112	Quản trị mạng nâng cao	CNTT	T.MINH
21	229142	Quản trị mạng Linux	CNTT	T.MINH
22	229097	Hệ điều hành Linux	CNTT	T.MINH
23	229126	Tin học	CNTT	T.MINH
24	229038	Nhập môn lập trình	CNTT	T.MINH
25	229008	Cơ sở dữ liệu	CNTT	T.MINH
26	229034	Lập trình hướng đối tượng	CNTT	T.MINH
27	229113	Thiết kế web	CNTT	T.MINH
28	229098	Hệ quản trị SQL Server	CNTT	T.MINH
29	229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	CNTT	T.MINH
30	229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	CNTT	T.MINH
31	225082	Tài chính doanh nghiệp	KT-TC	C. SƯƠNG
32	225005	Kế toán ngân hàng	KT-TC	C. SƯƠNG
33	225130	Tài chính doanh nghiệp cơ bản	KT-TC	C. SƯƠNG
34	225086	Thanh toán quốc tế	KT-TC	C. SƯƠNG
35	225062	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	KT-TC	C. SƯƠNG
36	226020	Pháp luật	QTKD	T.ĐỨC
37	226093	Luật kinh doanh	QTKD	T.ĐỨC
38	226016	Marketing căn bản	QTKD	T.ĐỨC
39	226012	Kinh tế vi mô	QTKD	T.ĐỨC
40	226184	Khởi tạo doanh nghiệp	QTKD	T.ĐỨC
41	226026	Quản trị học	QTKD	T.ĐỨC
42	226022	Quản trị chất lượng	QTKD	T.ĐỨC

43	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	QTKD	T.ĐỨC
44	226025	Quản trị hành chính văn phòng	QTKD	T.ĐỨC
45	226034	Quản trị thương hiệu	QTKD	T.ĐỨC
46	226041	Tâm lý kinh doanh	QTKD	T.ĐỨC
47	226101	Đàm phán trong kinh doanh	QTKD	T.ĐỨC
48	226031	Quản trị rủi ro	QTKD	T.ĐỨC
49	226018	Nghệ thuật lãnh đạo	QTKD	T.ĐỨC
50	226091	Quản trị ngoại thương	QTKD	T.ĐỨC
51	226058	Logistics	QTKD	T.ĐỨC
52	226156	Giao dịch thương mại quốc tế	QTKD	T.ĐỨC
53	226074	Thương mại điện tử	QTKD	T.ĐỨC
54	226248	Quản trị marketing	QTKD	T.ĐỨC
55	228040	Mạch điện	Đ-ĐT	T.ĐỨC
56	228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	Đ-ĐT	T.ĐỨC
57	228075	Truyền động điện	Đ-ĐT	T.ĐỨC
58	228211	Cung cấp điện	Đ-ĐT	T.ĐỨC
59	228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	Đ-ĐT	T.ĐỨC
60	228088	Vật liệu điện	Đ-ĐT	T.ĐỨC
61	228261	Kỹ thuật số	Đ-ĐT	T.ĐỨC
62	228263	PLC nâng cao	Đ-ĐT	T.ĐỨC
63	228226	Nhiệt động lực học kỹ thuật	Đ-ĐT	T.ĐỨC
64	228319	Lò hơi	Đ-ĐT	T.ĐỨC
65	228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	Đ-ĐT	T.ĐỨC
66	228366	Vận hành sửa chữa hệ thống lạnh	Đ-ĐT	T.ĐỨC

67	233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	CK	T.LỘC
68	227182	An toàn và môi trường công nghiệp (CK)	CK	T.LỘC
69	227026	Dung Sai Kỹ thuật đo	CK	T.LỘC
70	227131	Công Nghệ Chế Tạo máy	CK	T.LỘC
71	227064	Vẽ Kỹ Thuật 1	CK	T.LỘC
72	227067	Anh Văn chuyên ngành cơ khí	CK	T.LỘC
73	227170	Công nghệ bảo trì và thiết bị cơ khí	CK	T.LỘC